

Giải toán lớp 9: Đáp án bài 82 trang 99 SGK hình học tập 2

Đề bài

Điền vào ô trống trong bảng sau (làm tròn kết quả đến chữ số thập phân thứ nhất)

Bán kính đường tròn (R)	Độ dài đường tròn (C)	Diện tích hình tròn (S)	Số đo của cung tròn n°	Diện tích quạt tròn cung n°
	13,2cm		$47,5^\circ$	
2,5cm				$12,5\text{cm}^2$
		$37,8\text{cm}^2$		$10,6\text{cm}^2$

Hướng dẫn giải

+) Độ dài đường tròn bán kính R là: $C = 2\pi R$.

+) Độ dài cung tròn n° của đường tròn bán kính R là: $l = \frac{\pi R n}{180}$.

+) Diện tích hình tròn bán kính R là: $S = \pi R^2$.

+) Diện tích cung tròn n° của đường tròn bán kính R là: $S = \frac{\pi R^2 n}{360}$.

Đáp án bài 82 trang 99 sgk giải tích lớp 9

- Dòng thứ nhất:

$$R = \frac{C}{2\pi} = \frac{13,2}{2,3,14} \approx 2,1 \text{ (cm)}$$

$$S = \pi \cdot R^2 = 3,14 \cdot (2,1)^2 \approx 13,8 \text{ (cm}^2\text{)}$$

$$R_{quat} = \frac{\pi R^2 n^\circ}{360^\circ} = \frac{3,14 \cdot 2,1^2 \cdot 47,5}{360} \approx 1,83 \text{ (cm}^2\text{)}$$

- Dòng thứ hai: $C = 2\pi R = 2,3,14 \cdot 2,5 = 15,7 \text{ (cm)}$

$$S = \pi \cdot R^2 = 3,14 \cdot (2,5)^2 \approx 19,6 \text{ (cm}^2\text{)}$$

$$n^\circ = \frac{S_{quat} \cdot 360^\circ}{\pi R^2} = \frac{12,5 \cdot 360^\circ}{3,14 \cdot 2,5^2} \approx 229,3^\circ$$

- Dòng thứ ba: $R = \sqrt{\frac{s}{\pi}} = \sqrt{\frac{37,8}{3,14}} \approx 3,5 \text{ (cm)}$

$$C = 2\pi R = 22 \text{ (cm)}$$

$$n^\circ = \frac{S_{quat} \cdot 360^\circ}{\pi R^2} = \frac{10,6 \cdot 360^\circ}{3,14 \cdot 3,5^2} \approx 99,2^\circ$$

Điền vào các ô trống ta được các bảng sau:

Bán kính đường tròn (R)	Độ dài đường tròn (C)	Diện tích hình tròn (S)	Số đo của cung tròn n°	Diện tích quạt tròn cung n°
2,1cm	13,2cm	13,8cm ²	47,5°	1,83cm ²
2,5cm	15,7cm	19,6cm ²	229,3°	12,5cm ²
3,5cm	22cm	37,8cm ²	99,2°	10,6cm ²